TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 5 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thiết

Ông Bùi Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc *tham gia phiên toà:* Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX - ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1985; có mặt.

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm 1980; có mặt.

Địa chỉ: Xóm A, thị trấn M (Trước đây là xóm T, xã Q), huyện T, tỉnh Hòa Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Tr kết hôn ngày 12/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trong thời gian hơn một năm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng có quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống, có chăm lo vun vén cho gia đình. Vợ chồng chị sống chung với bố mẹ và các em bên chồng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 4 năm trở lại đây. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh Tr nghiện rượu, không chịu tu chí làm ăn, sống dựa vào vợ và gia đình. Khi say rượu nói năng cư xử không tỉnh táo, hay gây sự với người trong gia đình, chửi bố mẹ, vợ và các em. Sức khỏe yếu, thường xuyên phải đi bệnh viện. Chị và gia đình đã khuyên nhủ cai rượu, chữa cai rượu nhưng chỉ được một thời gian. Hơn nữa, anh chị kết hôn nhiều năm nhưng chưa có con, anh Tr không hợp tác trong việc chữa trị để có con. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 12/11/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tương lai, duy trì chỉ làm khổ nhau nên chị cương quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu Trung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 12/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trong thời gian hơn một năm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống cùng bố mẹ anh tại xóm An Phương, thị trấn Mãn Đức. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh giữa năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân là do anh thường xuyên uống rượu, lời lẽ không chuẩn dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau và bản thân anh không chịu lao động. Hơn nữa, vợ chồng anh kết hôn gần 8 năm nhưng chưa có con nên nhiều lúc chản nản. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và gia đình có xuống nhà chị H 4 lần để nói chuyện mong chị quay về nhưng chị Hiệp không đồng ý mà cương quyết đề nghị ly hôn. Anh thấy còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, anh cũng không có giải pháp nào để níu kéo được vợ anh quay lại.

Về con chung: Vợ chồng anh chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 12/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hậu (Nay là thị trấn Mãn Đức), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Anh Nguyễn Hữu Tr thường xuyên uống rượu, không chịu lao động. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 12/11/2019 cho đến nay, chị Bùi Thị H về ở với bố mẹ đẻ ở xóm Bin, xã Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình còn anh Nguyễn Hữu Tr sống tại nhà bố mẹ ở xóm An Phương, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

Về tình cảm: Chị Bùi Thị H cương quyết đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr. Căn cứ vào: Mâu thuẫn vợ chồng chị phát sinh đã nhiều năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr nghiện rượu, không chịu tu chí làm ăn, sống dựa vào vợ và gia đình. Vợ chồng chị hay cãi vã nhau. Vợ chồng chị kết hôn nhiều năm nhưng chưa có con, anh Trung không hợp tác trong việc chữa trị để có con. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 12/11/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tương lai, duy trì chỉ làm khổ nhau.

Anh Nguyễn Hữu Tr nhận thấy còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ. Anh cũng không có giải pháp nào để níu kéo được vợ anh quay lại.

Tài liệu chứng cứ chị Bùi Thị H nộp tại Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Hữu Tr, đăng ký ngày 12/11/2012 (Bản chính); Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Bùi Văn G (Bản sao); Sổ hộ khẩu, tên chủ hộ

Nguyễn Hữu N (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu Tr và Bùi Thị H (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Hữu Tr; địa chỉ: Xóm Tân An, xã Quy Hậu (Nay là xóm An Phương, thị trấn Mãn Đức), huyện Tân Lạc, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Hữu Tr kết hôn ngày 12/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hậu (Nay là thị trấn Mãn Đức), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với bố mẹ và các em chồng tại xóm An Phương, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng, theo anh Trung phát sinh từ giữa năm 2019, theo chị H thì phát sinh từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị H cương quyết xin ly hôn còn anh Tr mong muốn được đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Tr thừa nhận là người thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, không chịu lao động giúp đỡ vợ và gia đình. Vợ chồng kết hôn nhiều năm nhưng chưa có con. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H, anh Tr tại gia đình anh Tr và tại địa phương. Kết quả xác minh cho thấy, chị H là người ngoan, chịu khó, sống không có điều tiếng gì. Bản thân bố mẹ chồng coi chị H là người con dâu hiếu thảo, coi như con gái trong nhà. Tuy nhiên, anh Tr thường xuyên uống rượu dẫn đến sức khỏe yếu, vợ chồng hay cãi vã nhau. Anh Tr không chịu lao động giúp đỡ vợ và gia đình. Mặc dù, anh Tr nhiều lần đề nghị được đoàn tụ nhưng không có giải pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng anh chị không quan tâm gì đến nhau. Anh Tr và gia đình có xuống nhà chị H nhiều lần để nói chuyện mong chị quay về nhưng không có kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì hôn nhân chỉ làm khổ nhau nên yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tài Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung.

[2.4] *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001632 ngày 08/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Doanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Mãn Đức (Nơi ĐKKH)
- Lưu hồ sơ vụ án.